

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:93/2020/DS - PT.
Ngày 22 tháng 12 năm 2020.
V/v Tranh chấp kiện đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà G;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thùy H;

Ông Nguyễn Kim A.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu T-Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Tôn Thị Thanh H-Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số:75/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 Về việc “Tranh chấp kiện đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS-ST ngày 13 tháng 08 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 81/2020/QĐXX-PT ngày 04 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Duy K, sinh năm 1988. (Vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền: Bà Hán Thị B, sinh năm 1964.

Cùng địa chỉ: Khu 7, xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

(Theo giấy ủy quyền ngày 09/12/2020).(Có mặt).

2. Bị đơn: UBND xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Hán Xuân Đ - Chủ tịch UBND xã G.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Triệu Minh T – Công chức địa chính xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ (Theo giấy ủy quyền ngày 21/12/2020). (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hán Công T, sinh năm 1965. (Có mặt).

Địa chỉ: Khu 5, xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

3.2. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Quang H - Chủ tịch UBND huyện.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công T - Phó trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện P, tỉnh Phú Thọ (Theo giấy ủy quyền ngày 08/6/2020). (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

3.3. Chị Ngô Thị T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Khu 7, xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bà Hán Thị B – Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2019 của anh Lê Duy K và các lời khai tiếp theo bà Hán Thị B là Người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Duy K trình bày:

Năm 2013 anh Lê Duy K được UBND huyện P giao đất làm nhà ở tự xây với diện tích là 200m² tại đồi Khu Q (khu 6), xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ. UBND xã đã áp dụng mức giá 200.000 đồng/m² đối với diện tích đất anh K được giao để thu tiền sử dụng đất. Tổng số tiền sử dụng đất là 40.000.000 đồng. Anh K đã nộp cho UBND xã số tiền 45.000.000 đồng (trong đó có 40.000.000 đồng là tiền sử dụng đất, 5.000.000 đồng là tiền ủng hộ) để UBND xã G nộp vào kho bạc Nhà nước và làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận QSD đất cho hộ anh K (ngày 15/5/2015 anh Lê Duy K và vợ là Ngô Thị T đã được UBND huyện P cấp Giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất số 159, tờ bản đồ số 34, diện tích 200m² tại Đồi Khu Q, khu 6, xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ). Tuy nhiên, theo giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước thì UBND xã G chỉ nộp 25.718.700 đồng - tiền sử dụng đất. Số tiền còn lại 14.281.300 đồng anh K không biết UBND xã đã sử dụng như thế nào trong khi UBND xã đã trả lời toàn bộ số tiền 45.000.000 đồng mà anh K nộp, UBND xã đã nộp vào kho bạc Nhà nước. Sau đó UBND huyện lại trả lời cho anh K là số tiền 14.281.300 đồng dùng để chi trả tiền bồi thường cho các hộ dân bị thu hồi đất. Mặt khác sau khi anh K nộp tiền cho UBND xã, UBND xã đã tự đi nộp tiền sử dụng đất cho anh K tại Kho bạc Nhà nước huyện P. Tại mục “Người nộp tiền” có ghi “K - Lê Duy K”. Nhưng thực tế đây không phải là chữ viết, chữ ký của anh K mà là chữ ký của ông Trần Đức H, thủ quỹ của UBND xã G. Sau khi UBND xã nộp tiền sử dụng đất vào Kho bạc Nhà nước, UBND xã G không trả lại bản chính Giấy nộp tiền vào Kho bạc nhà nước cho anh K. Về việc áp dụng mức giá 200.000 đồng/1m² đối với vị trí đất mà anh K được cấp là không đúng mà chỉ có thể áp dụng mức 130.000 đồng/1m². Nay anh K khởi kiện đề nghị Tòa án buộc UBND xã G phải:

- Trả lại cho anh Lê Duy K số tiền 14.281.300 đồng (Mười bốn triệu hai trăm tám mươi một nghìn ba trăm đồng).

- Trả lại cho anh bản chính Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước ngày 15/12/2013.

Bị đơn UBND xã G do ông Triệu Minh T người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Căn cứ quyết định số 287/QĐ-UBND huyện P ngày 25/01/2013 về việc thu hồi phê duyệt quy hoạch giao đất cho nhân dân làm nhà ở tự xây tại xã G. Căn cứ biên bản xác định giá đất để thu tiền sử dụng đất khi giao quyền sử dụng đất ngày 22/8/2013 giữa UBND xã G và Phòng Tài nguyên môi trường huyện xác định vị trí đất tại khu vực Khu Q, khu 6 xã G; Căn cứ đơn xin giao đất làm nhà của anh K. anh K được UBND xã G xét cấp 01 ô đất tại vị trí khu vực Khu Q, (khu 6), xã G diện tích $200\text{m}^2 \times 200.000/1\text{m}^2 = 40.000.000$ đồng. Theo thông báo số 02199/TB-CTT ngày 28/11/2013 của chi cục Thuế huyện P thông báo tiền sử dụng đất của anh K thì hộ anh K phải nộp 40.000.000 đồng tiền sử dụng đất (trong đó có 12.281.300 đồng là khoản tiền dùng để chi trả cho các hộ dân bị thu hồi đất theo Quyết định số 2481/QĐ - UBND ngày 27/9/2013 của UBND huyện P, số tiền còn lại 25.718.700 đồng là tiền sử dụng đất mà hộ anh K còn phải nộp). Nay anh K yêu cầu UBND xã phải trả số tiền 14.280.300 đồng là không có cơ sở. Gia đình anh K không có cây cối hoa màu bị thu hồi tại khu vực này. UBND xã đề nghị Tòa án giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của anh K và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hán Công T trình bày:

Năm 2013 thực hiện chủ trương cấp đất cho các hộ dân làm nhà ở tự xây, UBND xã G đã quy hoạch 13 vị trí đất trên địa bàn xã để chuyển mục đích sử dụng sang đất ở trình UBND huyện ra Quyết định giao đất cho các hộ dân có nhu cầu. Thời điểm này có 74 hộ dân được UBND huyện giao đất tại các vị trí khác nhau. Hộ anh Lê Duy K, địa chỉ tại khu 7, xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ được giao 200m^2 đất ở tại vị trí Khu Q (khu 6), xã G. Theo Biên bản xác định giá đất để thu tiền sử dụng đất khi giao quyền sử dụng đất ngày 22/8/2013 do Phòng Tài nguyên Môi trường huyện P và UBND xã G lập thì vị trí đất mà hộ anh K được giao thuộc vị trí trung tâm xã (cách trụ sở UBND xã G 577m) nên áp dụng mức giá 200.000 đồng/ m^2 . Tổng số tiền sử dụng đất anh K phải nộp là 40.000.000 đồng. UBND xã G đã thu của anh K và phát hành phiếu thu đối với số tiền trên. Căn cứ vào thông báo số 02199/TB-CCT ngày 28/11/2013 của chi cục thuế huyện P thông báo nộp tiền sử dụng đất đối với hộ anh K thì tại mục 11.2 tiền bồi thường hỗ trợ khi thu hồi đất là 14.281.300 đồng (Số tiền này UBND xã chi trả cho các hộ có đất bị thu hồi theo Quyết định số 2481-UBND ngày 27/9/2013 của UBND huyện P về việc phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư công trình thu hồi đất và giao đất làm nhà ở tự xây cho nhân dân xã G, huyện P). Tại Mục 13 - số tiền sử dụng đất còn phải nộp là 25.718.700 đồng (số tiền này UBND xã đã nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện P đứng tên ông Lê Duy K theo giấy nộp tiền ngày 15/12/2013 do Kho bạc huyện P phát hành). Sau khi nộp tiền sử dụng đất cho anh K tại Kho bạc Nhà nước huyện P, Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước đã được kẹp vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất của hộ anh K và trình UBND huyện P cấp GCNQSD đất cho hộ anh K vào ngày 15/5/2015. Theo Quyết định số 2481/QĐUB thì kinh phí để chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư đối với các hộ bị thu hồi đất lấy từ nguồn cấp quyền sử dụng đất. Do đó, trong tổng số tiền sử dụng đất mà hộ anh K nộp là 40.000.000 đồng thì có 14.281.300 đồng nằm trong tổng số tiền 1.299.742.235 đồng để chi trả cho các hộ dân bị thu hồi đất. Vì vậy, việc thu tiền sử dụng đất của anh Lê Duy K, UBND xã G thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nay ông đề nghị Tòa

án bác yêu cầu khởi kiện của anh K và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND huyện P do Ông Nguyễn Công T đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Năm 2013, UBND xã G đã quy hoạch một số diện tích đất ở để giao cho nhân dân làm nhà ở tự xây. Trên cơ sở tờ trình của UBND xã G, UBND huyện P đã có Quyết định số 2231/QĐ - UBND ngày 12/9/2013 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện giao đất làm nhà ở tự xây cho nhân dân tại xã G, huyện P. Để có căn cứ xác định giá đất để tính tiền sử dụng đất mà các hộ dân được giao đất làm nhà tự xây phải nộp nên ngày 22/8/2013, đại diện Phòng tài nguyên và môi trường huyện P và đại diện UBND xã G đã thống nhất, đối chiếu với các văn bản pháp luật để lập Biên bản xác định giá đất để làm căn cứ thu tiền sử dụng đất khi giao quyền sử dụng đất cho các hộ dân được cấp đất trên địa bàn xã G năm 2013. Tại Biên bản này đã xác định 3 mức giá tương ứng với vị trí đất được giao (giá đất tương ứng với các vị trí đã được thể hiện cụ thể tại Biên bản xác định giá đất ngày 22/8/2013). Việc xác định giá đất tại các vị trí được thể hiện tại Biên bản ngày 22/8/2013 hoàn toàn căn cứ vào các quy định pháp luật tại thời điểm năm 2013 cụ thể:

+ Nghị định số 188/NĐ - CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất.

+ Quyết định số 3997/2009/QĐ - UBND ngày 20/11/2009 của UBND tỉnh Phú Thọ “Ban hành quy định cụ thể một số điều về quản lý, sử dụng đất trên địa bàn Phú Thọ”.

+ Quyết định số 24/2012/QĐ - UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành về các loại giá đất năm 2013 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

- Tại Quyết định số 2481/QĐ - UBND ngày 27/9/2013 của UBND huyện P về phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Thu hồi và giao đất làm nhà ở tự xây cho nhân dân xã G đã phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, thu hồi và giao đất làm nhà ở tự xây gồm 3 nội dung: Diện tích đất thu hồi được bồi thường; Tổng kinh phí chi trả và nguồn kinh phí chi trả. Theo Quyết định này thì tổng kinh phí chi trả bồi thường là 1.299.742.235 đồng và nguồn kinh phí chi trả là lấy từ việc thu tiền sử dụng đất của các hộ dân được cấp đất và các nguồn huy động hợp pháp khác, ngoài ra không có nguồn nào khác (thực chất trường hợp cụ thể của xã G chỉ lấy từ nguồn thu tiền sử dụng đất, không có các nguồn huy động khác). Điều này có nghĩa là các hộ dân được cấp đất có thu tiền sử dụng đất ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư sau đó sẽ được trừ vào số tiền sử dụng đất phải nộp. Số tiền ứng trước này được chi trả cho các hộ dân bị thu hồi đất và tài sản trên đất. Trường hợp của anh Lê Duy K được cấp đất tại vị trí Khu Q, khu 6, xã G cũng thuộc trường hợp tạm ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư để chi trả cho các hộ dân bị thu hồi đất. Do đó, số tiền 14.281.300 đồng - tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất tại mục 11.2 của Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 02199 ngày 28/11/2013 của Chi cục thuế huyện P không phải là số tiền bồi thường, hỗ trợ khi

thu hồi đất mà hộ anh K được nhận. Thực chất đây là số tiền trích ra từ tiền sử dụng đất mà anh đã nộp để chi trả cho các hộ dân bị thu hồi đất.

- Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 89/TNMT ngày 10/10/2013 của Phòng tài nguyên môi trường huyện P gửi Chi cục thuế huyện P chỉ xác định vị trí đất, diện tích đất phải nộp tiền sử dụng đất và giá đất phải nộp chứ không xác định cụ thể số tiền sử dụng đất mà người được cấp đất phải nộp.

- Theo quy định của pháp luật thì người được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất được cấp GCN QSD đất khi hồ sơ đầy đủ và thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước. Nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất được thể hiện bằng Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước. Do đó, hồ sơ cấp GCN QSD đất bao giờ cũng phải có bản chính Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước. Hiện nay bản chính giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước của hộ anh Lê Duy K đang nằm trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lưu tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên và môi trường huyện P.

Về quan điểm của UBND huyện P đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Duy K như sau: Việc ban hành Quyết định số 2481 ngày 27/9/2013 của UBND huyện P; việc xác định giá đất tại Biên bản xác định giá đất ngày 22/8/2013 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện P và việc giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ anh K là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ngô Thị T trình bày: Năm 2013 chị và chồng chị (anh Lê Duy K) được UBND huyện P giao đất làm nhà ở với diện tích là 200m² tại đòai Khu Q (khu 6), xã G, huyện P, tỉnh Phú Thọ. Số tiền sử dụng đất mà vợ chồng chị đã nộp cho UBND xã G là 40.000.000 đồng để UBND xã nộp vào Kho bạc nhà nước và làm thủ tục cấp GCNQSD đất cho vợ chồng chị. Tuy nhiên, theo Giấy nộp tiền vào kho bạc Nhà nước thì UBND xã chỉ nộp 25.718.700 đồng vào kho bạc (người đi nộp tiền là ông Hưng - cán bộ xã đã tự ý ký tên chồng chị vào mục người nộp tiền tại Giấy nộp tiền vào kho bạc Nhà nước), số tiền còn lại là 14.281.300 đồng anh chị không biết UBND xã đã sử dụng như thế nào. Việc UBND xã không nộp hết tiền vào kho bạc Nhà nước là không đúng. Khi chồng chị là anh K có đơn thì UBND xã trả lời là số tiền trên UBND xã đã nộp toàn bộ vào kho bạc nhà nước. Sau đó UBND huyện P lại trả lời là số tiền 14.281.300 đồng dùng để chi trả bồi thường cho các hộ bị thu hồi đất. Nay anh K khởi kiện đề nghị UBND xã G phải trả lại số tiền 14.281.300 đồng và bản chính Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước, chị là vợ của anh K cũng nhất trí với yêu cầu khởi kiện của anh K.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS -ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

Căn cứ vào: Điều 166 BLDS năm 2015; Khoản 21 điều 3; Điều 107; khoản 3 điều 170 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 điều 26, khoản 1 điều 35, điều 147, điều 271, Khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 điều 26 Nghị quyết số

326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử: Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của anh Lê Duy K về việc đề nghị UBND xã G phải trả lại số tiền: 14.281.300 đồng (Mười bốn triệu hai trăm tám mươi một nghìn ba trăm đồng).

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác.

Kháng cáo:

Ngày 26/8/2020, bà Hán Thị B người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Bà Bản yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc UBND xã G phải trả lại số tiền 14.281.3000đ đồng cho anh K vì thu không đúng quy định; bà đề nghị trả lại bản chính giấy nộp tiền vào kho bạc nhà nước ngày 15/12/2013 và buộc UBND xã G phải bồi thường thiệt hại cho bà trong khoảng thời gian bà đi khiếu nại, khiếu kiện.

Tại phiên tòa, bà Hán Thị B giữ nguyên kháng cáo, không bổ sung gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa khi giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đơn kháng cáo của đương sự đúng hạn luật định. Hội đồng xét xử đã xét xử đúng nguyên tắc, các bên đương sự đều thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo, đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 điều 308 BLTTDS năm 2015. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 03/2020/DS-ST ngày 13/8/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Đơn Kháng cáo của bà Hán Thị B trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về nội dung: Xét nội dung kháng cáo của bà Hán Thị B người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Bà Bản yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc UBND xã G phải trả lại số tiền 14.281.3000đ đồng cho anh K vì thu không đúng quy định; bà đề nghị trả lại bản chính giấy nộp tiền vào kho bạc nhà nước ngày 15/12/2013 và buộc UBND xã G phải bồi thường thiệt hại cho bà trong khoảng thời gian bà đi khiếu nại, khiếu kiện. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1]. Xét yêu cầu của bà Bản đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc UBND xã G phải trả lại số tiền 14.281.3000đ đồng cho anh K vì thu không đúng quy định thì thấy:

Năm 2013, UBND xã G đã quy hoạch một số diện tích đất ở để giao cho nhân dân làm nhà ở tự xây. Trên cơ sở tờ trình của UBND xã G, UBND huyện P đã có

Quyết định số 2231/QĐ - UBND ngày 12/9/2013 của UBND huyện P về việc thu hồi đất của các hộ gia đình, cá nhân để thực hiện giao đất làm nhà ở tự xây cho nhân dân tại xã G, huyện P. Để có căn cứ xác định giá đất để tính tiền sử dụng đất mà các hộ dân được giao đất làm nhà tự xây phải nộp nên ngày 22/8/2013, đại diện Phòng tài nguyên và môi trường huyện P và đại diện UBND xã G đã thống nhất, đối chiếu với các văn bản pháp luật để lập Biên bản xác định giá đất để làm căn cứ thu tiền sử dụng đất khi giao quyền sử dụng đất cho các hộ dân được cấp đất trên địa bàn xã G năm 2013. Tại Biên bản này đã xác định 3 mức giá tương ứng với vị trí đất được giao (giá đất tương ứng với các vị trí đã được thể hiện cụ thể tại Biên bản xác định giá đất ngày 22/8/2013 (BL 66)). Việc xác định giá đất tại các vị trí được thể hiện tại Biên bản ngày 22/8/2013 hoàn toàn căn cứ vào các quy định pháp luật tại thời điểm năm 2013 cụ thể:

+ Nghị định số 188/NĐ - CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất.

+ Quyết định số 3997/2009/QĐ - UBND ngày 20/11/2009 của UBND tỉnh Phú Thọ “Ban hành quy định cụ thể một số điều về quản lý, sử dụng đất trên địa bàn Phú Thọ”.

+ Quyết định số 24/2012/QĐ - UBND ngày 20/12/2012 của UBND tỉnh Phú Thọ ban hành về các loại giá đất năm 2013 trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Tại Quyết định số 2481/QĐ - UBND ngày 27/9/2013 của UBND huyện P về phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình: Thu hồi và giao đất làm nhà ở tự xây cho nhân dân xã G đã phê duyệt dự toán kinh phí bồi thường, thu hồi và giao đất làm nhà ở tự xây gồm 3 nội dung: Diện tích đất thu hồi được bồi thường; Tổng kinh phí chi trả và nguồn kinh phí chi trả. Theo Quyết định này thì tổng kinh phí chi trả bồi thường là 1.299.742.235 đồng và nguồn kinh phí chi trả là lấy từ việc thu tiền sử dụng đất của các hộ dân được cấp đất và các nguồn huy động hợp pháp khác, ngoài ra không có nguồn nào khác (thực chất trường hợp cụ thể của xã G chỉ lấy từ nguồn thu tiền sử dụng đất, không có các nguồn huy động khác). Điều này có nghĩa là các hộ dân được cấp đất có thu tiền sử dụng đất ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư sau đó sẽ được trừ vào số tiền sử dụng đất phải nộp. Số tiền ứng trước này được chi trả cho các hộ dân bị thu hồi đất và tài sản trên đất. Vị trí ô đất mà hộ anh K được giao là khu trung tâm xã, được áp dụng mức giá 200.000 đồng/1m². Do đó, tổng số tiền sử dụng đất anh K phải nộp là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Số tiền này anh K đã nộp tại UBND xã G. Trường hợp của anh Lê Duy K được cấp đất thuộc trường hợp tạm ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư để chi trả cho các hộ dân bị thu hồi đất. Do đó, số tiền 14.281.300 đồng - tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất tại mục 11.2 của Thông báo nộp tiền sử dụng đất số 02199 ngày 28/11/2013 (BL 53) của Chi cục thuế huyện P không phải là số tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất mà hộ anh K được nhận và tại mục 10 của thông báo này cũng đã thể hiện *Tổng số tiền sử dụng đất phải nộp là 40.000.000đ.*

Điều này là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật cụ thể:

Điểm b khoản 1 Điều 3 Nghị định số 197/2004/NĐ - CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất quy định: “Tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất có trách nhiệm chi trả trước tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của Nghị định này và được trừ vào số tiền sử dụng đất phải nộp”.

Điểm b khoản 1 điều 4 Nghị định số 17/2006/NĐ - CP ngày 27/01/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật đất đai và Nghị định số 197/2004/NĐ - CP của Chính phủ: “Tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đã ứng trước tiền để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thì được trừ vào số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp cho Nhà nước; mức được trừ không được vượt quá số tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp”.

Khoản 1 điều 15 Nghị định số 69/2009/NĐ - CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường hỗ trợ và tái định cư quy định: “Tổ chức, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai nếu thực hiện ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án đã được xét duyệt thì được ngân sách nhà nước hoàn trả bằng hình thức trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp. Mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp”.

Khoản 2 điều 2 Nghị định số 120/2010/NĐ - CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 198/2004/NĐ - CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất quy định: “Trường hợp người được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất ứng trước tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường giải phóng mặt bằng theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được trừ số tiền đã ứng trước vào tiền sử dụng đất phải nộp theo phương án được duyệt; mức được trừ không vượt quá tiền sử dụng đất phải nộp.”

Từ những phân tích trên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Bản đề nghị Tòa án buộc UBND xã G phải hoàn trả cho anh K số tiền 14.281.300 đồng.

[2.2]. Xét yêu cầu của bà Bản đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc UBND xã G trả lại bản chính giấy nộp tiền vào kho bạc nhà nước ngày 15/12/2013 cho anh K thì thấy:

Theo quy định tại khoản 1 điều 63 Nghị định số 43/2014/NĐ - CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai thì “Tiền sử dụng đất, tiền thuê đất...(sau đây gọi là nghĩa vụ tài chính)...”. Như vậy, tiền sử dụng đất mà người sử dụng đất nộp vào Ngân sách Nhà nước được xác định là nghĩa vụ tài chính mà người sử dụng đất phải nộp khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại điểm đ khoản 1 điều 8 của Thông tư số 24/2014/TT - BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ tài nguyên và môi trường quy định một trong các

giấy tờ về hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu là: “Chứng từ thực hiện nghĩa vụ tài chính, giấy tờ liên quan đến việc miễn, giảm nghĩa vụ tài chính về đất đai...”. Do đó, Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước là chứng từ chứng minh nghĩa vụ tài chính mà người được giao đất đã thực hiện theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào các giấy tờ có liên quan đến việc cấp đất và giấy nộp tiền vào kho bạc Nhà nước, hộ anh Lê Duy K đã được UBND huyện P cấp GCNQSD đất ngày 15/5/2015. Hiện nay bản chính giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước của hộ anh Lê Duy K đang nằm trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lưu tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên và môi trường huyện P.

Do đây là một trong các loại giấy tờ thuộc thủ tục hành chính khi làm thủ tục cấp GCNQSD đất nên hiện nay nếu anh K có đề nghị được nhận lại thì có quyền yêu cầu Cơ quan nhà nước đang lưu giữ tài liệu này xem xét giải quyết trả lại cho anh. Vì vậy, yêu cầu này của anh K không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2.3]. Xét yêu cầu của bà Bản đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc UBND xã G phải bồi thường thiệt hại cho bà bao năm qua bà đi đòi hỏi, khiếu nại, khiếu kiện thì thấy: Việc bà đi khiếu nại, khiếu kiện là quyền của công dân và việc khiếu kiện của bà không được chấp nhận và tại Tòa án cấp sơ thẩm vấn đề này bà, anh K chưa có yêu cầu nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét giải quyết được theo quy định tại khoản 1 điều 5 và điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp phúc giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS - ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ.

[3]. Về án phí: Anh K phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của bà Hán Thị B là người đại diện theo ủy quyền của anh Lê Duy K.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2020/DS - ST ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào: Điều 166 BLDS năm 2015; Khoản 21 điều 3; Điều 107; khoản 3 điều 170 Luật Đất đai năm 2013; Khoản 2 điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 147, khoản 1 điều 148, điều 271, Khoản 1 điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 3 điều 26, Khoản 1 điều 29 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên Xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Duy K về việc đề nghị UBND xã G phải trả lại số tiền: 14.281.300 đồng (Mười bốn triệu hai trăm tám mươi một nghìn ba trăm đồng).

Về án phí: Anh Lê Duy K phải chịu 714.000 đồng (bảy trăm mười bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận anh K đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002299 ngày 30/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P. Anh K còn phải nộp tiếp 414.000 đồng (Bốn trăm mười bốn nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Duy K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận anh K (do bà Hán Thị B) đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: 0001612 ngày 28/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện P;
- THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hà G

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thùy H Nguyễn Kim A

Nguyễn Hà G

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện P;
- THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ + VP;
- Lưu: án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hà G

